TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-PT.
Ngày: 22/6/2023
Về: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Quý My;
- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quếvà bà Nguyễn Minh Lý.
- Thư ký phiên toà: Ông Đào Bảo Vĩnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Ngọc Kim Loan- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 15 và ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2023/TLPT - DS ngày 21 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2023/DSST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2023/QĐPT - DS ngày 21 tháng 4năm 2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1972 -vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 15, phường QT , Thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Quang H, sinh năm 1988;Trú tại: Tổ 1, phường CG , Thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên - có mặt, (hợp đồng uỷ quyền ngày 12/5/2023).

***Bị đơn:** Ông Hoàng Quang T1, sinh năm 1974 -vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 5, phường QV , Thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1985;

Trú tại: 4, phường QT , Thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên - có mặt; giấy uỷ quyền ngày 21/01/2021, (BL: 26).

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:

- Công ty cổ phần phát triển VT ,địa chỉ: Số 648, khu công nghiệp nhỏ KT , phường CĐ , Thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên;

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Quang T1 sinh năm 1974 -vắng mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của Công ty cổ phần phát triển VT : Ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1980;

Trú tại: Tổ 11, phường TD , Thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên - vắng mặt. (giấy uỷ quyền ngày 02/8/2022), (BL: 202).

- Bà Đồng Thị Hương G(vợ anh T), sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ 15 (tổ 33 cũ), phường QT , Thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà Giang: Ông Phan Quang H, sinh năm 1988;

Trú tại: Tổ 1, phường CG , TP TN, tỉnh Thái Nguyên - có mặt, (hợp đồng uỷ quyền ngày 12/5/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và đơn khởi kiện,bản tự khai,biên bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hồng T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đồng Thị Hương G (vợ ông T) và người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà Giang, ông Phan Quang Htrình bày:

Do mối quan hệ quen biết nhau, ngày 15/11/2012 anh Nguyễn Hồng T có cho anh Hoàng Quang T1 vay số tiền 864.000.000 đồng *(Tám trăm sáu mươi bốn triệu đồng),* lãi suất 20%/năm, thời hạn vay 06 tháng, hai bên cam kết: Trong vòng 45 ngày tới *(từ ngày 15/11/2012*), anh T1 sẽ trả tiền gốc: 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng),* đến ngày 15/02/2013 sẽ trả gốc thêm: 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng).* Hẹn đến ngày 15/5/2013 sẽ hoàn trả số tiền vay. Hợp đồng vay tài sản (Tiền), được lập thành văn bản, bên cho vay và bên vay đều xác nhận, người vay xác nhận đã nhận đủ số tiền vay. *(Có văn bản giấy vay tiền gốc kèm theo).*Tuy nhiên, trong thời hạn trên, bên vay anh Hoàng Quang T1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay theo cam kết. Anh T đã nhiều lần yêu cầu, anh T1 đã thực hiện trả tiền từng năm, từ năm 2014 đến năm 2020 đã trả số tiền 614.406.600 đồng, là tiền lãi, chưa trả tiền gốc.

Việc ông T1 có xác định vợ chồng ông T có vay của ông T1 tiền từ ngày 07/03/2011 đến ngày 22/01/2020, với tổng số tiền là: 1.737.806.600 đồng là không đúng. Công nhận số tiền 614.406.600 đồng ông T1 trả là tiền trả nợ tiền lãi cho số tiền vay 864.000.000 đồng, theo chứng từ ông T1 cung cấp từ ngày 06/01/2013 đến ngày 22/01/2020.

Nay yêu cầu, anh Hoàng Quang T1 trả toàn bộ số tiền gốc chưa trả và lãi suất theo thỏa thuận đã cam kết theo giấy vay tiền, cụ thể lãi suất trên số tiền gốc và tiếp tục trả tiền lãi suất trên số tiền gốc theo thỏa thuận đến khi thanh toán xong theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai,biên bản hoà giải bị đơn là ông Hoàng Quang T1 và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn T2 trình bày:

Ngày 15/11/2012 anh Hoàng Quang T1 có nhờ ông Nguyễn Hồng T vay hộ số tiền 864.000.000 đồng, ông T1 xác định có nhận số tiền trên và các thỏa thuận trong giấy vay tiền ngày 15/11/2012 là đúng. Lãi xuất 20%/năm; thời hạn vay 06 tháng, không có tài sản thế chấp. Trong giấy vay hẹn trả trong vòng 45 ngày, trả tiền gốc: 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng),*đến ngày 15/02/2013 sẽ trả gốc thêm: 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng).* Hẹn đến ngày 15/5/2013 sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền vay.

Đến thời điểm hiện tại, ông T1 đã trả 614.406.600 đồng *(sáu trăm mười bốn triệu, bốn trăm linh sáu nghìn sáu trăm đồng)*. là tiền gốc, số tiền còn lại là 249.593.400 đồng tiền gốc và 86.054.400 đồng tiền lãi, tổng số tiền còn lại theo

thỏa thuận là: 335.648.000 đồng. Ông T1 không nhất trí trả vì lý do: Từ tháng 3/2011 đến tháng 7/2012 ông T1 có cho vợ chồng ông T vay tổng số tiền là: 1.123.400.000 đồng *(Một tỷ một trăm hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng),* chia làm nhiều lần *(Có bảng kê và chứng từ kèm theo).* Do ông T1 và ông T có mối quan hệ bạn bè, nên khi giao tiền cho ông T thì ông T1 có nhờ các kế toán là ông Dương Quang Q và 03 người nữa. Khi cho ông T vay không có giấy tờ mà chỉ có giấy xác nhận đã nhận tiền có chữ ký của vợ ông T. Tháng 11/2012 do công ty của ông T1 gặp khó khăn nên ông T1 đã yêu cầu ông T hoàn trả số tiền đã vay trước đó, tuy nhiên ông T không trả, vì vậy ông đề nghị ông T vay hộ người khác để cho ông T1 có số tiền 864.000.000 đồng, đồng thời ông T và ông T1 có viết giấy vay nợ tiền ngày 15/11/2012. Do đó đến thời điểm hiện tại ông T còn nợ ông T1 số tiền là: 873.806.000 đồng *(Tám trăm bảy mươi ba triệu tám trăm linh sáu nghìn đồng).* Đề nghị tòa án buộc ông Nguyễn Hồng T trả cho ông Hoàng Quang T1 số tiền 873.806.000 đồng.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Văn T2 có đơn gửi Toà án, có nội dung: " Quá trình giải quyết vụ án, tôi đại diện cho bị đơn đã cung cấp nộp cho toà án một số chứng từ kế toán như phiếu chi, nộp, chuyển tiền *(có danh sách gửi kèm*), nay tôi đã có đơn đề nghị không yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập để khởi kiện thành vụ án khác nên đã làm đơn này xin được rút các chứng từ danh sách kèm theo đơn".

- Tại bản tự khai, biên bản hoà giải người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần phát triển VT , người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tiến L trình bày: Tháng 11/2012 do Công ty cổ phần phát triển VT gặp khó khăn nên công ty có đề nghị ông Hoàng Quang T1 là đại diện theo pháp luật của công ty huy động nguồn vốn bên ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất của công ty. Do vậy ông T1 đã huy động được 864.000.000đồng và đã nộp vào công ty để phục vụ hoạt động kinh doanh. Tháng 01/2013 đến tháng 01/2020, theo yêu cầu của ông T1, công ty đã trả số tiền gốc là: 614.406.600đồng việc trả số tiền 614.406.600đồng được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản vào trực tiếp tài khoản của ông T theo số tài khoản 101010002214345 mang tên ông Nguyễn Hồng T tại ngân hàng công thương- chi nhánh Thái Nguyên;Từ tháng 3/2011 đến tháng 7/2012, Công ty cổ phần phát triển VT có cho vợ chồng ông T vay 1.123.400.000đồng chia làm nhiều lần việc công ty cho vợ chồng ông T vay không có giấy tờ chỉ có các phiếu chuyển khoản tiền mặt có chữ ký của kế toán và vợ chồng ông T ký nhận. Đối với khoản vay này tách để Công ty cổ phần phát triển VT sẽ khởi kiện ông T bằng một vụ án khác, nếu có yêu cầu. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên quan điểm yêu cầu khởi kiện của mình. Bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2023/DSST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:- Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều, 146, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 278, 280, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 357, 463, 464, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ điều 305, 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối Cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng T đối với ông Hoàng Quang T1 về việc:“ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc ông Hoàng Quang T1phải trả cho ông Nguyễn Hồng Tsố tiền nợ là gốc 249.593.400 đồng và 845.582.286 đồng tiền lãi. Tổng cộng ông T1 phải trả cho ông T số tiền 1.095.175.686 đồng*(một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng).*

2.Về nghĩa vụ thi hành án:Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không thoả thuận được thì thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3.Về án phí: Buộc ông Hoàng Quang T1phải chịu 44.855.270 đồng *(bốn mươi bốn triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm bẩy mươi đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách nhà nước;

Hoàn trả ông Nguyễn Hồng T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 18.960.000 đồng (mười tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng)theo biên lai số: 0003925 ngày 25/12/2020 của chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo bản án, quyền thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/02/2023 bị đơn trong vụ án là ông Hoàng Quang T1 kháng cáo, yêu cầu hủytoàn bộ bản án 03/2023/DSST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

Tại phiên tòa phúc thẩm đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáonhư nêu trên;

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Hoàng Quang T1, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Buộc ông Hoàng Quang T1 chỉ phải thanh toán số tiền gốc và lãi là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, công nhận đã thanh toán

xong 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, còn lại 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, phía ông T1 phải trả 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng vào ngày 20 hàng tháng, tính từ tháng 8 năm 2023, riêng tháng thứ 13 thanh toán 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Trong trường hợp ông T1 không thanh toán đúng thời hạn như thỏa thuận nêu trên, thì phải chịu lãi xuất 12%/1 năm trên số tiềnchậm trả, tính từ thời điểm chậm thanh toán và ông T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành toàn bộ số tiền chưa thanh toán còn lại; về án phí phía bị đơn là ông T1 nhận nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng T khởi kiện ông Hoàng Quang T1 phải trả nợ số tiền vay theo giấy vay tiền ký kết giữa các bên ngày 15/11/2012, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn là ông Hoàng Quang T1có nơi cư trú tại Tổ 5, phường QV , thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên theo quy định tại điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định, nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung tranh chấphội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng:

Theo hợp đồng vay tiền ngày 15/11/2012anh Nguyễn Hồng T có cho anh Hoàng Quang T1 vay số tiền 864.000.000 đồng *(Tám trăm sáu mươi bốn triệu đồng*), lãi xuất 20%/ năm, thời hạn vay 06 tháng, hai bên cam kết: Trong vòng 45 ngày tới *(từ ngày 15/11/2012),* anh T1 sẽ trả số tiền gốc: 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng),* đến ngày 15/02/2013 sẽ trả số tiền gốc thêm: 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng).* Hẹn đến ngày 15/5/2013 sẽ hoàn trả hết số tiền vay còn lại.

Hợp đồng vay tài sản, được lập thành văn bản, bên cho vay và bên vay đều xác nhận, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, người vay xác nhận đã nhận đủ số tiền vay. *(Có văn bản giấy vay tiền gốc kèm theo*), nên có căn cứ xem xét.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Do ông Hoàng Quang T1 không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận ký kết hợp đồng vay tiền, nay yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền gốc 864.000.000 đồng, số tiền lãi xuất 20%/ năm theo thỏa thuận, tính từ ngày 15/11/2012 cho đến nay, được trừ đi số tiền lãi ông T1 đã trả từ ngày 06/01/2013 đến ngày 22/01/2020, hình thức chuyển khoản theo chứng từ ông T1 cung cấp, tổng số tiền là: 614.406.600 đồng *(sáu trăm mười bốn triệu, bốn trăm linh sáu nghìn sáu trăm đồng)*và tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc theo thỏa thuận cho đến khi tất toán số tiền vay.

Ông T không nhất trí với yêu cầu của ông Hoàng Quang T1 cho rằng: Từ tháng 3/2011 đến tháng 7/2012 ông T1 có cho vợ ông T vay tổng số tiền là: 1.123.400.000 đồng *(Một tỷ một trăm hai ba triệu bốn trăm ngàn đồng),* chia ra làm nhiều lần *(Có bảng kê và chứng từ kèm theo*) là có căn cứ, bởi lẽ quá trình giải quyết vụ án người Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đã có đơn xin rút toàn bộ các chứng từ danh sách kèm theo đơn, cụ thể là các chứng từ mà ông T1 cho rằng có cho vợ ông T vay số tiền 1.123.400.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không giải quyết nội dung này.

Theo ông T số tiền ông T1 chuyển khoản theo chứng từ trong bảng kê từ ngày 06/01/2013 đến ngày 22/01/2020 cho ông T, tổng số tiền là 614.406.600 đồng, là số tiền ông T1 trả lãi suất số tiền vay, là không có căn cứ, bởi lẽ theo hợp đồng vay tiền,các bên thoả thuận: Hoàng Quang T1 vay số tiền 864.000.000 đồng *(Tám trăm sáu mươi bốn triệu đồng*), lãi xuất 20%/ năm, thời hạn vay 06 tháng, hai bên cam kết: Trong vòng 45 ngày tới (từ ngày 15/11/2012), anh T1 sẽ trả tiền gốc: 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng),* đến ngày 15/02/2013 sẽ trả gốc thêm: 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng).* Hẹn đến ngày 15/5/2013 sẽ hoàn trả hết số tiền vay. Hai bên không có thoả thuận thời hạn trả tiền lãi suất, nên số tiền ông T1 trả cho ông T được coi là trả tiền gốc là phù hợp quy định của pháp luật.

Do đó,hội đồng xét xử thấy rằng: Trong hợp đồng vay tiền ngày 15/11/2012, giữa bên cho vay và bên vay không có thỏa thuận về thời hạn trả lãi suất, chỉ thỏa thuận thời hạn trả tiền gốc, do đó xác định số tiền ông T1 trả cho ông T được ông T thừa nhận là 614.406.600 đồng là số tiền gốc đã trả cho ông T là phù hợp.Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Số tiền nợ gốc còn lại cần buộc ông T1 có nghĩa vụ trả cho ông T đến thời điểm ngày 22/01/2020 là: 864.000.000 đồng - 614.406.600 đồng = 249.593.400 đồng*. (Hai trăm bốn mươi chín triệu năm trăm chín ba ngàn bốn trăm đồng).*

Về lãi suất: Theo thỏa thuận hợp đồng vay tiền, lãi suất 20%/ năm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của các bên đương sự, hội đồng xét xử xét cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Hoàng Quang T1, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Buộc ông Hoàng Quang T1 chỉ phải thanh toán số tiền gốc và lãi là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, công nhận đã thanh toán xong 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồngcho ông Nguyễn Hồng T, còn lại 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, phía ông T1 phải trả 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng vào ngày 20 hàng tháng, tính từ tháng 8 năm 2023, riêng tháng thứ 13 thanh toán 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Trong trường hợp ông T1 không thanh toán đúng thời hạn như thỏa thuận nêu trên, thì phải chịu lãi suất 12%/1 năm trên số tiền chậm trả, tính từ thời điểm chậm thanh toán và ông T có quyền yêu cầu cơ

quan thi hành án thi hành toàn bộ số tiền chưa thanh toán còn lại; về án phí phía bị đơn là ông T1 nhận nộp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty cổ phần phát triển VT không có yêu cầu gì, nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148; khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39,điều 146, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 278, 280, 429, 483, điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điều 305, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

-Căn cứ các điều 357, 463, 464, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối Cao.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Quang T1,sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2023/DSST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng T đối với ông Hoàng Quang T1 về việc“ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Buộc ông Hoàng Quang T1chỉ phải trả cho ông Nguyễn Hồng Tsố tiền gốc và lãi là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, công nhận đã thanh toán xong 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, còn lại 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng; phía ông T1 phải trả 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng vào ngày 20 hàng tháng, tính từ tháng 8 năm 2023, riêng tháng thứ 13 thanh toán 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Trong trường hợp ông T1 không thanh toán đúng thời hạn như thỏa thuận nêu trên, thì phải chịu lãi suất 12%/1 năm trên số tiền chậm trả, tính từ thời điểm chậm thanh toán và ông T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành toàn bộ số tiền chưa thanh toán còn lại;

2.Về nghĩa vụ thi hành án:Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không thoả thuận được thì thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3.Về án phí: Buộc ông Hoàng Quang T1 phải chịu phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm và 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000639 ngày 17/02/2023 của chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thái Nguyên; ông Hoàng Quang T1còn phải nộp tiếp số tiền là 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng).*

Hoàn trả ông Nguyễn Hồng T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 18.960.000 đồng (mười tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0003925 ngày 25/12/2020 của chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁCTHÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quế - Nguyễn Minh Lý **Lê Quý My**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Tòaán ND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Quý My

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA